

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MƯỜNG ẢNG
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2020/HSST
Ngày: 07/5/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MƯỜNG ẢNG - TỈNH ĐIỆN BIÊN**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Vân**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: **Nguyễn Văn Hùng**

2. Ông: **Hoàng Văn Tiến**

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Đỗ Mạnh Huy**- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa:* Ông **Ngô Hoài Ngân** - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 18/2020/HSST ngày 17 tháng 4 năm 2020, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2020/QĐXXST – HS ngày 24 tháng 4 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Bị cáo thứ nhất: Họ và tên: **Lò Văn L**; tên gọi khác: Không; giới tính: Nam; sinh năm 1991; Nơi ĐKKHKT: Bản B, xã Ả, huyện M, tỉnh Điện Biên; Nơi cư trú: Bản B, xã Ả, huyện M, tỉnh Điện Biên; trình độ văn hoá: 12/12; nghề nghiệp: Làm ruộng; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Thái; tôn giáo: Không; Con ông: Lò Văn Y, sinh năm 1964; Con bà: Tòng Thị A, sinh năm 1964; Bị cáo có 4 anh chị em, bị cáo là con thứ ba trong gia đình; Bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ, giam từ ngày 13/02/2020 cho đến ngày xét xử, bị cáo được trích xuất có mặt tại phiên tòa.

2. Bị cáo thứ hai: Họ và tên: **Lường Văn Đ**; tên gọi khác: Không; giới tính: Nam; Sinh năm 1993; Nơi ĐKKHKT: Bản B, xã Ả, huyện M, tỉnh Điện Biên; Nơi cư trú: Bản B, xã Ả, huyện M, tỉnh Điện Biên; trình độ văn hoá: 12/12; nghề nghiệp: Làm ruộng; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Thái; tôn giáo: Không; Con ông: Lường Văn L1, sinh năm 1962; Con bà: Tòng Thị Đ1; sinh năm 1964; Bị cáo có 5 anh chị em, bị cáo là con thứ 5 trong gia đình; bị cáo có vợ: Lò Thị N, sinh năm 1996 và có 02 người con, con lớn nhất sinh năm 2015, con nhỏ nhất sinh năm 2017; tiền sự: Không; tiền án: Không; Bị cáo bị tạm giữ, giam từ ngày 13/02/2020 cho đến ngày xét xử, bị cáo được trích xuất có mặt tại phiên tòa.

3. Bị cáo thứ ba: Họ và tên: **Lường Văn Đ**; tên gọi khác: Không; giới tính: Nam; Sinh năm 1983; Nơi ĐKKHKT: Bản B, xã Ả, huyện M, tỉnh Điện Biên; Nơi cư trú: Bản B, xã Ả, huyện M, tỉnh Điện Biên; trình độ văn hoá: 04/12; nghề nghiệp: Làm ruộng; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Thái; tôn giáo: Không; Con

ông: Lường Văn L1, sinh năm 1962; Con bà: Tòng Thị Đ1; sinh năm 1964; Bị cáo có 5 anh chị em, bị cáo là con thứ nhất trong gia đình; bị cáo có vợ: Quàng Thị A1, sinh năm 1988 và có 02 người con, con lớn nhất sinh năm 2013, con nhỏ nhất sinh năm 2014; tiền sự: Không; tiền án: Không; Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 13/2/2020 tại Bản B, xã A, huyện M bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo Lường Văn D: Bà Lò Thị Khánh H, sinh năm 1982; chức danh: Trợ giúp viên pháp lý.

Nơi công tác: Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Điện Biên. (Có mặt).

Các bị hại: Ông **Lò Văn C**, Sinh năm: 1969 và bà **Quàng Thị N**, Sinh năm: 1970;

Đều trú tại: Bản B, xã A, huyện M, tỉnh Điện Biên.

Người được ông Lò Văn C ủy quyền là bà: Quàng Thị N

Trú tại: Bản B, xã A, huyện M, tỉnh Điện Biên.

(Có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa thì hành vi phạm tội của Lò Văn L, Lường Văn Đ, Lường Văn D được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ 00 ngày 10/02/2020, tại đồi Huổi Púa thuộc bản B1, xã Ảng Tở, huyện Mường Ảng lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu, Lò Văn L đã vào lán ao của gia đình ông Lò Văn C lén lút trộm cắp 01 chiếc tivi nhãn hiệu SAMSUNG, loại 4K ULTRA HD, màn hình 43 inch, màn hình phẳng, giá trị là 10.000.000đ (*Mười triệu đồng*), mục đích bán lấy tiền mua ma túy sử dụng. Ngày 11/02/2020 mặc dù biết chiếc tivi do L trộm cắp nhưng vì hám lợi khi được L nhờ thì Lường Văn Đ vẫn đồng ý mang chiếc tivi đến nhà Lường Văn D thuộc bản B, xã Ảng Tở bán cho D. D biết chiếc tivi là do L trộm cắp mà có nhưng hám rẻ nên đã đồng ý mua với giá 500.000đ, D trả trước cho Đ 200.000đ, còn nợ lại 300.000đ.

Quá trình điều tra đã làm rõ: Khoảng 17 giờ ngày 10/02/2020 Lò Văn L một mình đi từ nhà lên đồi Huổi Púa, thuộc bản B1, xã Ảng Tở, huyện Mường Ảng để xem ruộng của gia đình, khi đến lán ao của ông gia đình ông Lò Văn C ở bản B1, xã Ảng Tở L rẽ vào để mượn xẻng. Vào đến lán ao thấy cửa lán không khóa, L tự mở cửa đi vào bên trong thì thấy 01 chiếc tivi nhãn hiệu SAMSUNG, loại 4K ULTRA HD, màn hình 43 inch, màn hình phẳng, giá trị là 10.000.000đ (*Mười triệu đồng*), quan sát xung quanh không thấy có người L đã nảy sinh ý định lấy trộm chiếc tivi đem đi bán lấy tiền mua ma túy sử dụng. Do trời còn sáng mang tivi sợ mọi người phát hiện nên L đã mang ra bãi cỏ phía sau lán cách lán ao khoảng 300m để cất giấu, L lấy túi linon màu trắng và cành cây cỏ phủ lên chiếc tivi rồi đi về nhà. Khoảng 5 giờ 30 phút ngày 11/02/2020 L đi bộ lên chỗ cất giấu tivi mang về đồi cỏ phía gia đình ông H thuộc Bản B, xã A, huyện M thì trời sáng, sợ bị phát hiện L tiếp tục cất giấu chiếc tivi ở dưới gốc cây mây, cạnh bụi tre rồi lấy túi ni lông và lá cây khô phủ lên, sau đó trở về nhà. Trên đường về L vào nhà Lường Văn Đ trú cùng bản thì gặp Đ đang đun nước uống ở bếp, L vào nhà sưởi lửa, rồi kể cho Đ nghe về việc mình đã lấy trộm chiếc tivi nhà ông Lò Văn C và

nhờ Đ tìm chỗ bán hộ thì Đ đồng ý. Khi L đang chỉ chỗ cất giấu chiếc tivi và trao đổi giá bán với Đ thì Đ nhìn thấy Lương Văn D, sinh năm 1983 trú cùng bản là anh trai của Đ đi qua, Đ hỏi D có mua chiếc tivi do L trộm cắp của ông C không? D đồng ý mua rồi bảo Đ lấy tivi mang về nhà D. Đ đi lên chỗ L cất giấu chiếc tivi mang về nhà D rồi dùng tua vít tháo rời chân giá đỡ tivi ra. D kiểm tra và thống nhất giá mua, bán chiếc tivi với Đ là 500.000đ, D trả trước cho Đ 200.000đ, còn lại 300.000đ hẹn sẽ trả sau. Số tiền 200.000đ có được từ việc bán tivi Đ đã tiêu sài cá nhân hết. Sau khi mua được tivi sợ bị người khác phát hiện đã mua tài sản trộm cắp nên D lấy ga trải giường quấn quanh chiếc tivi lại rồi cất giấu lên trên gác nhà, còn chân giá đỡ cất vào gầm giường. Sau khi phát hiện chiếc tivi của gia đình bị kẻ gian lấy trộm, ông C đã làm đơn trình báo Công an xã A. Tiến hành xác minh cơ quan Công an đã mời Lò Văn L, Lương Văn Đ, Lương Văn D lên làm việc. Tại cơ quan Công an L, Đ, D đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Ngày 12/02/2020 Cơ quan cảnh sát điều tra, Công an huyện Mường Ảng đã ra Yêu cầu định giá tài sản số: 05/YCĐGTS và tại bản Kết luận giá trị tài sản số: 05/KL-HĐĐGTS ngày 12/02/2020 của Hội đồng định giá tài sản đã kết luận: 01 chiếc tivi nhãn hiệu SAMSUNG, loại 4K ULTRA HD, màn hình 43 inch, màn hình phẳng giá trị là 10.000.000đ (*Mười triệu đồng*).

Bà Quảng Thị N là bị hại - người được bị hại ủy quyền: Xin nhận lại tài sản và không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường về dân sự. Về hình phạt đề nghị hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo Đ, D.

Tại Cáo trạng số: 17/CT-VKSMA ngày 15 tháng 4 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên đã truy tố bị cáo Lò Văn L về hành vi “Trộm cắp tài sản”; Các bị cáo Lương Văn Đ, Lương Văn D về hành vi “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Ảng vẫn giữ nguyên quan điểm đã truy tố bị cáo về tội danh, điều luật đã áp dụng như nội dung bản Cáo trạng. Sau khi đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Ảng đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng Khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Lò Văn L từ 09 tháng đến 12 tháng tù.

Áp dụng khoản 5 Điều 173 BLHS không phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo L.

Áp dụng Khoản 1 Điều 323; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Khoản 1, 2, 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Lương Văn Đ từ 07 tháng đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 14 tháng đến 18 tháng. Áp dụng khoản 4 Điều 328 trả tự do cho bị cáo Đ tại phiên tòa.

Áp dụng Khoản 1 Điều 323; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Khoản 1, 2, 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Lương Văn D từ 06 tháng đến 08 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 tháng đến 16 tháng.

Áp dụng khoản 5 Điều 323 BLHS không phạt bổ sung bằng tiền đối với các bị cáo Đ, D.

Phần bồi thường thiệt hại do người bị hại không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét;

Về vật chứng áp dụng Áp dụng điểm b khoản 1, khoản 2 điều 47 BLHS; khoản 1, điểm b, c khoản 2, điểm b khoản 3 điều 106 BLTTHS Chấp nhận việc trao trả tài sản giữa cơ quan điều tra và bị hại.

Tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền 200.000đ của Lương Văn Diệp do phạm tội mà có.

Tịch thu tiêu hủy: 01 tấm ga giường bằng vải, màu mạ non có họa tiết màu cam và xanh dương hình thoi; 01 mảnh túi nilon màu trắng; 01 chiếc tua vít có chiều dài 24,8cm, cán màu đỏ đen có một lỗ hình tam giác ở phần cuối cán, cán tròn bằng nhựa, chiều dài cán 11cm, phần thân bằng kim loại màu trắng đen, thân hình lục giác dài 13,8cm, đầu tua vít có bốn cạnh.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 BLTTHS năm 2015 và Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH về Quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Các bị cáo là người dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí đề nghị miễn án phí HSST.

* *Nội dung bản luận cứ của người bào chữa cho bị cáo Lương Văn D nhất trí với nội dung bản cáo trạng đã truy tố bị cáo về tội:* “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 điều 323 của Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Trong quá trình điều tra bị cáo thành khẩn khai báo, phạm tội lần đầu thể hiện sự ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội của mình. Bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất và được hưởng án treo.

Về án phí: Bị cáo là người dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí. Đề nghị HĐXX xem xét, miễn án phí HSST cho bị cáo.

Bị cáo D nhất trí nội dung bản luận cứ của người bào chữa, bị cáo không có tranh luận gì.

Các bị cáo L, Đ không có tranh luận gì với vị đại diện Viện Kiểm sát.

Tại phiên tòa, các bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo nhận thức được hành vi phạm tội và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt, cho các bị cáo được hưởng án treo.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, các bị cáo, đại diện theo ủy quyền của bị hại- bị hại, người bào chữa cho bị cáo D.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1].*Nội dung vụ án:* Khoảng 17 giờ 00 ngày 10/02/2020, tại đồi Huổi Púa thuộc bản B1, xã A, huyện Mường Ảng lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu, Lò Văn L đã vào lán ao của gia đình ông Lò Văn C lén lút trộm cắp 01 chiếc tivi nhãn hiệu

SAMSUNG, loại 4K ULTRA HD, màn hình 43 inch, màn hình phẳng, giá trị là 10.000.000đ (*Mười triệu đồng*), mục đích bán lấy tiền mua ma túy sử dụng. Ngày 11/02/2020 mặc dù biết chiếc tivi do L trộm cắp nhưng vì hám lợi khi được L nhờ thì Lương Văn Đ vẫn đồng ý mang chiếc tivi đến nhà Lương Văn D thuộc bản B, xã A bán cho D. D biết chiếc tivi là do L trộm cắp mà có nhưng hám rẻ nên đã đồng ý mua với giá 500.000đ, D trả trước cho Đ 200.000đ, còn nợ lại 300.000đ.

Lời nhận tội của các bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai của các bị cáo tại các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, phù hợp nội dung Kết luận điều tra và Cáo trạng. Do đó, có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Lò Văn L đã phạm tội Trộm cắp tài sản, theo khoản 1 Điều 173 BLHS; Các bị cáo Lương Văn Đ, Lương Văn D về hành vi “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 323 BLHS như Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Ảng truy tố và kiểm sát viên luận tội là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Do đó có đủ cơ sở để kết luận hành vi của Lò Văn L đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản”, tội danh được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 có khung hình phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc bị phạt tù từ sáu tháng đến ba năm; Các bị cáo Lương Văn Đ, Lương Văn D về hành vi “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự năm 2015 có khung hình phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc bị phạt tù từ sáu tháng đến ba năm.

[2]. Xét tính chất vụ án là ít nghiêm trọng nhưng hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây mất trật tự trị an tại địa phương, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, làm ảnh hưởng đến phong trào phòng chống các tệ nạn xã hội ở địa phương. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm các bị cáo trước pháp luật mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[3]. *Xét tính chất, vai trò của các bị cáo trong vụ án:* Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, các bị cáo không có sự phân công và bàn bạc cụ thể mà bộc phát nảy sinh phạm tội, trong đó Lò Văn L là người thực hiện hành vi trộm cắp chiếc tivi, có vai trò quan trọng nhất nên phải chịu trách nhiệm hình sự cao nhất trong vụ án. Lương Văn Đ biết rõ chiếc tivi do L trộm cắp mà có nhưng giúp L đã tiêu thụ chiếc tivi để hưởng lợi nên phải chịu trách nhiệm hình sự thứ hai trong vụ án, Lương Văn D (là anh trai của bị cáo Lương Văn Đ) biết rõ chiếc tivi do L trộm cắp mà có do vì hám lợi nên đã mua chiếc tivi về để sử dụng nên phải chịu trách nhiệm hình sự thứ ba trong vụ án.

[4]. Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với các bị cáo:

Bị cáo Lò Văn L đang ở độ tuổi lao động nhưng do thiếu ý thức rèn luyện, tu dưỡng đạo đức, lười lao động dễ thỏa mãn nhu cầu cá nhân nên đã bất chấp pháp luật, đi vào con đường phạm tội. Trong quá trình điều tra, tại phiên tòa bị cáo luôn thành khẩn khai báo ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu nên Hội đồng xét xử áp dụng điểm i, s khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên Hội đồng xét xử cần đưa ra mức án thật nghiêm khắc, để cải tạo giáo dục bị cáo và cũng là cơ hội để bị cáo cai nghiện chất ma túy trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội.

Các bị cáo Lương Văn Đ, Lương Văn D vì hám lợi nên đi vào con đường phạm tội. Trước khi phạm tội các bị cáo có nhân thân tốt, được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 đó là phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt, các bị cáo cũng có nơi cư trú ổn định, rõ ràng. Vì các bị cáo được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ nên không cần thiết phải bắt bị cáo phải chấp hành hình phạt tù tại Trại giam mà cho bị cáo hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách gấp đôi và giao cho chính quyền địa phương nơi thường trú giám sát giáo dục là đủ để răn đe, phòng ngừa chung cũng như tạo điều kiện giúp các bị cáo có cơ hội tự cải tạo trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội.

Các bị cáo L, Đ, D không có tình tiết tăng nặng quy định tại điều 52 của BLHS.

[5] Theo khoản 5 Điều 173 BLHS và khoản 5 Điều 323 quy định bị cáo còn có thể bị phạt bổ sung bằng tiền. Tuy nhiên, xét điều kiện hoàn cảnh của bị cáo khó khăn, thu nhập chủ yếu từ làm ruộng nên không có khả năng thi hành; vì vậy Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[6]. Đối với phần bồi thường thiệt hại bà N là bị hại – người được bị hại ủy quyền đã nhận lại được chiếc tivi và không yêu cầu các bị cáo bồi thường nên hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về vật chứng: Hội đồng xét xử thấy rằng:

- 01 tấm ga giường bằng vải, màu mận non có họa tiết màu cam và xanh dương hình thoi; 01 mảnh túi nilon màu trắng; 01 chiếc tua vít có chiều dài 24,8cm, cán màu đỏ đen có một lỗ hình tam giác ở phần cuối cán, cán tròn bằng nhựa, chiều dài cán 11cm, phần thân bằng kim loại màu trắng đen, thân hình lục giác dài 13,8cm, đầu tua vít có bốn cạnh đây là những vật chứng không còn giá trị sử dụng cần thu để tiêu hủy.

- Số tiền 200.000đ là tiền Đ đã bán chiếc ti vi cho D, Đ đã tiêu sài hết nên cần tịch thu để sung công quỹ nhà nước.

[8]. Về án phí: Các bị cáo Lò Văn L, Lương Văn Đ, Lương Văn D mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đ (*Hai trăm nghìn đồng*) nhưng bị cáo sống ở xã có điều kiện đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí nên miễn toàn bộ án phí HSST cho các bị cáo.

[8]. Về đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát xét thấy phù hợp nên hội đồng xét xử xem xét.

[9]. Các bị cáo; Bị hại – người được bị hại ủy quyền được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[10]. Trong quá trình điều tra, truy tố thấy rằng: Các hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra, Điều tra viên; Viện kiểm sát, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Lò Văn L phạm tội: "Trộm cắp tài sản "; Bị cáo Lường Văn Đ và Lường Văn D phạm tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có".

Áp dụng: khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự xử phạt: Lò Văn L 12 (Mười hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 13 tháng 02 năm 2020.

Áp dụng: khoản 1 Điều 323; Khoản 1, 2, 5 Điều 65, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; khoản 4 Điều 328 của BLTTHS xử phạt: Xử phạt bị cáo Lường Văn Đ 08 (tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 16 tháng kể từ ngày 07/5/2020.

Áp dụng: khoản 1 Điều 323; Khoản 1, 2, 5 Điều 65, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự xử phạt: Xử phạt bị cáo Lường Văn D 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 12 tháng kể từ ngày 07/5/2020.

Giao bị cáo Lường Văn Đ, Lường Văn D cho Ủy ban nhân dân xã Æ, huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo quy định theo điều 92 Luật thi hành án hình sự năm 2019;

Lường Văn Đ, Lường Văn D có thể vắng mặt tại nơi cư trú nếu có lý do chính đáng và phải xin phép theo quy định tại khoản 2 Điều này, phải thực hiện khai báo tạm vắng theo quy định của pháp luật về cư trú. Thời gian vắng mặt tại nơi cư trú mỗi lần không quá 60 ngày và tổng số thời gian vắng mặt tại nơi cư trú không được vượt quá một phần ba thời gian thử thách, trừ trường hợp bị bệnh phải điều trị tại cơ sở y tế theo chỉ định của bác sỹ và phải có xác nhận điều trị của cơ sở y tế đó.

Lường Văn Đ, Lường Văn D khi vắng mặt tại nơi cư trú phải có đơn xin phép và được sự đồng ý của Ủy ban nhân dân cấp xã Æ được giao giám sát, giáo dục; trường hợp không đồng ý thì Ủy ban nhân dân xã Æ phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Lường Văn Đ, Lường Văn D khi đến nơi cư trú mới phải trình báo với Công an cấp xã nơi mình đến tạm trú, lưu trú; hết thời hạn tạm trú, lưu trú phải có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Công an cấp xã nơi tạm trú, lưu trú. Trường hợp Lường Văn Đ, Lường Văn D vi phạm pháp luật, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó đến tạm trú, lưu trú phải thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã được giao giám sát, giáo dục kèm theo tài liệu có liên quan.

Trong thời gian thử thách người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp Lường Văn Đ, Lường Văn D thay đổi nơi cư trú ngoài phạm vi huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện có trách nhiệm làm thủ tục chuyển hồ sơ thi hành án treo cho cơ quan

thi hành án hình sự Công an cấp huyện nơi người được hưởng án treo đến cư trú để tổ chức việc thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 68 của Luật thi hành án hình sự.

Người được hưởng án treo không được xuất cảnh trong thời gian thử thách.

Trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo Lương Văn Đ đang bị tạm giam, nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo.

2. *Vật chứng*: Áp dụng điểm b khoản 1, khoản 2 điều 47 BLHS; khoản 1, điểm b, c khoản 2, điểm b khoản 3 điều 106 BLTTHS:

Chấp nhận việc trao trả tài sản giữa cơ quan điều tra và bà Quảng Thị N.

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) của Lương Văn Đ.

Tịch thu tiêu hủy: 01 tấm ga giường bằng vải, màu mạ non có họa tiết màu cam và xanh dương hình thoi; 01 mảnh túi nilon màu trắng; 01 chiếc tua vít có chiều dài 24,8cm, cán màu đỏ đen có một lỗ hình tam giác ở phần cuối cán, cán tròn bằng nhựa, chiều dài cán 11cm, phần thân bằng kim loại màu trắng đen, thân hình lục giác dài 13,8cm, đầu tua vít có bốn cạnh (*Chi Cục thi hành án dân sự huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên đang quản lý theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 16/4/2020*).

4. *Án phí*: Căn cứ khoản 2 Điều 136 BLTTHS và Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo Lò Văn L, Lương Văn Đ, Lương Văn D.

5. *Về quyền kháng cáo đối với bản án*: Các bị cáo, bà N được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND tỉnh Điện Biên;
- Sở Tư pháp tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện Mường Ảng;
- Công an huyện Mường Ảng;
- Chi cục THADS huyện Mường Ảng;
- Bị cáo; Dương sự
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Thị Vân